

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN Mã số học phần: 203703

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: Chăn nuôi đại cương

Tên Tiếng Anh: Principles of Animal Production

Đơn vị phụ trách:

- *Bộ môn:* Chăn nuôi Chuyên Khoa
- *Khoa:* CHĂN NUÔI THÚ Y

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (30 tín chỉ lý thuyết, 0 tín chỉ thực hành/ thí nghiệm)

Phân bố thời gian: 10 tuần (3 tiết lý thuyết/tuần)

Học kỳ: 2 (học kỳ 2 năm thứ 2)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- *GV phụ trách chính:* Bùi Thị Kim Phụng (SĐT: 0909212389; Email: phung.buithikim@hcmuaf.edu.vn)
- *Danh sách giảng viên cùng GD:* Nguyễn Thị Kim Loan (SĐT: 0913653274; Email: loan.nguyenthikim@hcmuaf.edu.vn)

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- *Môn học tiên quyết:* Không
- *Môn học trước:* Không

Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên sâu <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh

Tiếng Việt

II. Mô tả học phần

Môn học giới thiệu tổng quát về ngành chăn nuôi, phản ánh một phần những gì mà khoa học vật nuôi đã và đang thực hiện. Nội dung chính của môn học đề cập đến một số vấn đề cơ bản nhất của ngành chăn nuôi, và những tác động kinh tế & xã hội ảnh hưởng đến ngành chăn nuôi. Chương trình học đề cập đến những vấn đề chung như: vị trí, tình hình và xu hướng phát triển ngành chăn nuôi ở Việt Nam và thế giới, những tác động qua lại giữa ngành chăn nuôi và xã hội con người, một số ứng dụng công nghệ vào chăn nuôi.

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) <i>(Học phần này trang bị cho sinh viên:)</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT
LO1	Giới thiệu về khoa học vật nuôi, vị trí, tình hình và xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi	ELO3
LO2	Phân biệt được những đặc điểm ngoại hình của các giống vật nuôi	ELO3, ELO4
LO3	Tìm hiểu cơ thể học của bộ máy sinh sản vật nuôi	ELO3
LO4	Vai trò các chất dinh dưỡng của vật nuôi	ELO3
LO5	Phân biệt các nguyên liệu thức ăn vật nuôi	ELO3
LO6	Nắm được quy trình chăm sóc và nuôi dưỡng của từng vật nuôi	ELO3

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: (Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix : Sự đóng góp của mỗi học phần cho ELOs của CTĐT).

N : Không đóng góp/không liên quan

S : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

H : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT															
		ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
203703	Chăn nuôi đại cương	N	H	S	S	S	S	S	S	N	S	N	N	S	S	S	S

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả (Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT
LO1	LO1.1 Trình bày được những tình hình cơ bản của ngành chăn nuôi trong nước và thế giới	ELO3
	LO1.2 Phân tích xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi trong nước? thế giới?	ELO3
LO2	LO2.1 Trình bày được các giống vật nuôi phổ biến hiện nay tại VN?	ELO3,ELO4
	LO2.2 Liệt kê được giống nào chuyên sản xuất ra sản phẩm nào	ELO3
LO3	LO3.1 Trình bày những đặc điểm của cơ quan sinh sản của vật nuôi	ELO3
	LO3.2 Phân tích các đặc điểm sinh lý sinh sản của vật nuôi	ELO3
LO4	LO4.1 Phân tích mối liên quan giữa các vấn đề về nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi	ELO3,ELO4
	LO4.2 Ứng dụng vào thực tế lập kế hoạch dinh dưỡng cho từng loại vật nuôi?	ELO3
LO5	LO5.1 Phân tích thành phần dinh dưỡng của các loại thức ăn chăn nuôi cơ	ELO3

		bản	
	LO5.2	Nhận xét và đối sánh ưu và nhược điểm của từng loại thức ăn?	ELO3
LO6	LO6.1	Phân tích đặc điểm sinh học của từng vật nuôi?	ELO3,ELO4
	LO6.2	Lập kế hoạch chọn vật nuôi con vật phù hợp với đặc điểm địa phương?	ELO3

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng
- Thảo luận / thảo luận theo nhóm
- Nghiên cứu các trường hợp thực tế của các địa phương (case study)
- Hỏi/trả lời câu hỏi ngắn
- Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy (research inform teaching)

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu, phát triển giả thuyết và câu hỏi liên quan
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm
- Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các học phần khác và những trải nghiệm trong cuộc sống và thực tế địa phương để đề xuất giải pháp cho vấn đề (giả định nào đó) đặt ra.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: VD: Sinh viên phải tham dự ít nhất 50% thời gian của môn học
- Chuẩn bị cho bài giảng: VD: Sinh viên phải đọc các bài báo khoa học liên quan do giảng viên cung cấp, phát triển các giả định và câu hỏi liên quan; làm các bài tập...
- Thái độ: VD: câu thị, tôn trọng sở hữu trí tuệ

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

3. Kế hoạch đánh giá và trọng số

Bảng 1. Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần

Các KQHTMĐ của HP	Tham dự lớp (%)	Làm việc nhóm (%)	Thực hành (%)	Thuyết trình (%)	Thi cuối kỳ (%)
LO1	X				x
LO2	X	X			X
LO3	X	X		X	X
LO4	X	X		X	X
LO5	X			X	

LO6	X	X		x	
-----	---	---	--	---	--

**Bảng 2. Kế hoạch đánh giá học phần
Rubric 1: đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)**

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự	10	Tích cực tham gia các hoạt động	Có tham gia các hoạt động	Ít tham gia các hoạt động	Không tham gia các hoạt động
Thời gian tham dự	10	Mỗi buổi học là 1%, vắng 3 buổi trở lên cấm thi.			

Rubric 5: Đánh giá báo cáo chuyên đề SEMINAR (bài làm theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Khá	TB	Kém
		100%	75%	50%	0%
Nội dung	10	Phong phú	Đầy đủ	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Trình bày báo cáo	2	Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Thiếu rõ ràng
	2	Lập luận khoa học và logic	Lập luận khá khoa học và logic, còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có dựa vào căn cứ khoa học nhưng còn một sai sót quan trọng	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic
Tương tác với người nghe	2	Tương tác tốt	Tương tác khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác
	2	trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi quan trọng	trả lời khá thỏa đáng đa số câu hỏi quan trọng	trả lời tương đối thỏa đáng một số câu hỏi quan trọng, còn nhiều câu chưa trả lời được	Trả lời sai tất cả các câu hỏi quan trọng
* Sự phối hợp trong nhóm	2	Nhóm phối hợp tốt	Nhóm phối hợp khá tốt	Nhóm có phối hợp nhưng chưa tốt	Không thể hiện sự phối hợp

THI GIỮA KỲ

(Khoa nên thiết kế các Rubric cho những hoạt động thường có như tham dự lớp, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, đồ án học phần và thesis. Riêng phần thi giữa kỳ và cuối kỳ thì GV có thể thiết kế rubric riêng)

Hình thức KT	Nội dung	Thời điểm	Công cụ KT	Chuẩn đầu ra KT	Tỉ lệ (%)
Thi giữa kỳ (2 bài)					20
Kiểm tra 15'(1)	Đại cương về chăn nuôi Giống vật nuôi	Tuần 3	Trắc nghiệm trên lớp (30 câu hỏi)	LO 1.1 LO 1.2 LO 2.1 LO2.2	10
Kiểm tra 15'(2)	Sự sinh sản của vật nuôi Dinh dưỡng của vật nuôi	Tuần 6	Trắc nghiệm trên lớp (30 câu hỏi)	LO3.1 LO3.2 LO4.1 LO4.2	10
ĐIỂM DANH (Rubric 1)					10
BÁO CÁO (rubric 5)					20
Trình bày	Theo chuyên đề cho trước	Tuần 8+9+10	Báo cáo	Tất cả	20
Thi cuối kỳ					50
	- Nội dung bao quát tất cả các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học. - Thời gian làm bài 50 phút (50 câu hỏi trắc nghiệm)		Thi trắc nghiệm đề đóng (thời gian tối thiểu 50 phút)	Tất cả kiến thực đã học	

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Kim Cương, Bài giảng Chăn nuôi đại cương, 2011, BM Chăn Nuôi Chuyên Khoa, Khoa Chăn Nuôi.
2. Dương Thanh Liêm, Bùi Huy Như Phúc và Dương Duy Đồng, 2002. *Thức ăn và dinh dưỡng động vật*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp, 408 trang. Thư viện ĐHNL
3. Leland S. Shapiro, *Introduction to animal science*. Prentice Hall, Upper Saddle River, New Jersey, 2001. BM Chăn Nuôi Chuyên Khoa, Khoa Chăn Nuôi.
4. Jere R. Mitchell & Gordon A. Doak, *The artificial insemination and embryo transfer of dairy and beef cattle*. Prentice Hall, Upper Saddle River, New Jersey, 2004. BM Chăn Nuôi Chuyên Khoa, Khoa Chăn Nuôi.
5. Robert E. Taylor & Thomas G. Field, 2001. *Science farm animal production*. Prentice Hall, Upper Saddle River, New Jersey, 693 trang.
6. Viện Chăn Nuôi Quốc Gia, *Thành phần và giá trị dinh dưỡng thức ăn gia súc gia cầm Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp, 2002. Thư viện ĐHNL
7. Tổng Cục Thống Kê, *Niên giám thống kê 2006*. Nhà xuất bản thống kê Hà Nội, 2007.
8. http://www.vcn.vnn.vn/vcn_viet.htm (Viện Chăn Nuôi VN)
9. <http://www.ansi.okstate.edu/breeds/> (Giống vật nuôi, Đại học Oklahoma)

10. <http://www.ca.uky.edu/agripedia/Agmania/> (Đại học Kentucky)

11. <http://www.fao.org/corp/statistics/en/> (**FAO** STATISTIC Home page)

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần
1+2	Chương 1: Đại cương về chăn nuôi	
	<p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp(6): Nội dung GD lý thuyết: 1.1 Giới thiệu về ngành chăn nuôi 1.2. Các giá trị vật nuôi đối với con người 1.3. Những yếu tố ảnh hưởng cấu trúc nông nghiệp thế giới 1.4. Tình hình chăn nuôi Việt Nam và thế giới</p> <p>PPGD chính: + Thuyết giảng + Thảo luận nhóm + Trình chiếu + Hỏi/Trả lời ngắn</p>	LO1.1 LO1.2
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn lại kiến thức trên lớp</p>	LO1.1 LO1.2
3	Chương 2: GIỐNG VÀ CÔNG TÁC GIỐNG VẬT NUÔI	
	<p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (3) Nội dung GD lý thuyết: 2.1 Lịch sử hình thành giống gia súc 2.2 Khái niệm về di truyền và giống vật nuôi 2.3 Sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi 2.4 Ngoại hình và thể chất của vật nuôi 2.5 Cách chọn giống gia súc 2.6 Cách nhân giống</p> <p>PPGD chính: + Thuyết giảng + Trình chiếu + Video minh họa</p>	LO2.1 LO2.2
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn lại kiến thức trên lớp</p>	LO2.1 LO2.2
4+5	Chương 3: SỰ SINH SẢN CỦA VẬT NUÔI	
	<p>A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp(6): Nội dung GD lý thuyết: • 1. Cơ quan sinh sản</p>	LO3.1 LO3.2

	<ul style="list-style-type: none"> • 2. Tuổi thành thực • 3. Các kích tố ảnh hưởng đến sinh sản • 4. Chu kỳ động dục • 5. Các phương pháp phối giống • 6. Phương pháp gieo tinh nhân tạo • 7. Sự thụ tinh và mang thai • 8. Công nghệ chuyển cây phôi. <ul style="list-style-type: none"> • PPGD chính: <ul style="list-style-type: none"> + Thuyết giảng + Trình chiếu + Video minh họa 	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn lại kiến thức trên lớp	LO3.1 LO3.2
	Chương 4: DINH DƯỠNG CỦA VẬT NUÔI	
6+7	A/ Tóm tắt các ND và PPGD chính trên lớp(6): Nội dung GD lý thuyết: 4.1 Khái niệm về dinh dưỡng thú 4.2 Phương pháp xác định giá trị dinh dưỡng và đơn vị dinh dưỡng 4.3 Vai trò một số chất dinh dưỡng chính PPGD chính: + Thuyết giảng + Trình chiếu + Video minh họa	LO4.1 LO4.2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập các kiến thức đã học	LO4.1 LO4.2
	Chương 5: THỨC ĂN VẬT NUÔI	
8	A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (3) Nội dung GD lý thuyết: 5.1 Tiềm năng thức ăn gia súc Việt Nam 5.2 Phân loại theo giá trị dinh dưỡng 5.3 Phân loại thức ăn theo nguồn gốc 5.4 Cách chế biến thức ăn gia súc 5.5 Nhu cầu dinh dưỡng của thú PPGD chính: + Thuyết giảng + Trình chiếu + Thảo luận nhóm	LO5.1 LO5.2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn lại các kiến thức đã học	LO5.1 LO5.2

	Chương 6: ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA VẬT NUÔI	
9+10	A/ Các nội dung và PPGD chính trên lớp: (6) Nội dung GD lý thuyết: 6.1 Đặc điểm sinh học của heo 6.2 Đặc điểm sinh học của gà 6.3 Đặc điểm sinh học của thú nhai lại PPGD chính: + Thuyết giảng + Trình chiếu	LO6.1 LO6.2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn lại các kiến thức đã học	LO6.1 LO6.2

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: phòng học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa, phấn, micro.

ĐH Nông Lâm TP. HCM, ngày ... tháng ... năm 2017

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS Chế Minh Tùng

ThS. Bùi Thị Kim Phụng

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS Nguyễn Tất Toàn